

Số 388./TB-THĐK

Long Biên, ngày 26 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO
CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2025-2026

Căn cứ Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND Thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND TP về hỗ trợ bữa ăn trưa cho HS trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Công văn số 3375 /SGD&ĐT-KHTC ngày 26/8 /2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc hướng dẫn tăng cường công tác quản lý thu chi đầu năm học 2025-2026; Công văn số 72 /UBND-KTHT&ĐT ngày 8/9/2025 của phòng kinh tế hạ tầng đô thị phường Long Biên về hướng dẫn kinh phí tổ chức 2 buổi/ngày. Công văn số 745 Hướng dẫn thực hiện quản lý thu chi năm học 2025-2026 của UBND phường Long Biên;

Thực hiện Kế hoạch số thu chi năm 2025-2026 của trường tiểu học Đoàn Kết; Căn cứ vào kết quả họp CMHS toàn trường năm học 2025-2026,

Trường tiểu học Đoàn Kết xin được Thông báo tới quý vị cha mẹ học sinh nhà trường các khoản thu và thời điểm thu đối với học sinh năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

1. Danh mục Các khoản thu đã quy định trong Nghị quyết số 03/QĐ-HĐND Thành phố.

| STT | Nội dung thu | Mức thu năm học 2025 - 2026 |
|-----|--|---|
| 01 | Dịch vụ phục vụ Bán trú: (Dành cho HS đăng kí bán trú) | |
| | + Tiền ăn của HS (gồm bữa chính và bữa phụ) | 35.000đ/ ngày + Bữa chính khoảng 30.000đ + Bữa phụ khoảng 5.000đ (thu theo tháng, tiền ăn thừa của HS được trừ vào tháng tiếp theo) UBND Thành phố hỗ trợ 20.000đ/ngày; CMHS đóng 15.000đ/ ngày |
| | Dịch vụ Chăm sóc bán trú | 235.000đ/ 1 tháng (thu theo tháng) |



| | | |
|----|--|--|
| | Dịch vụ Trang thiết bị phục vụ bán trú | 135.000đ/ 1 HS /năm (đối với học sinh tự nguyện đăng kí ăn bán trú thu trong tháng 10) |
| 02 | Dịch vụ nước uống tinh khiết (nước uống nhãn hiệu Laska) | 12.000đ/ hs/tháng (thu theo tháng) |
| 03 | Dịch vụ trông giữ sau giờ học (3 buổi/ tuần mỗi buổi 60 phút) dành cho học sinh có nhu cầu. Thời gian trông giữ từ 16h00 đến 17h 00 các ngày thứ ba, thứ tư, thứ năm | 150.000 đồng/ 1tháng/ 1HS (12.000đ/ HS/ giờ x 3 buổi/ tuần/ x 4,2 tuần /tháng). Số tiền được tính theo thực tế các buổi tham gia trông giữ, được bù trừ vào tháng 12/2025 (kì 1) và tháng 5/2026 (Kì 2) |
| 04 | Dịch vụ Giáo dục kỹ năng sống 2 tiết/ tuần (theo nguyện vọng đăng kí) | 120.000đ/ tháng Thu theo tháng (15.000đ/ 1 tiết) |

2. Các khoản thu theo nhu cầu thực tế thỏa thuận giữa nhà trường và Ban đại diện CMHS (Học sinh chỉ lựa chọn 1 trong hai chương trình hỗ trợ tiếng Anh theo đăng kí tự nguyện)

| STT | Nội dung thu | Mức thu năm học 2025 - 2026 |
|-----|--|--|
| 1 | Chương trình tiếng Anh liên kết với trung tâm Bình Minh: - Tiếng Anh BME-KIDS (dành cho HS tự nguyện đăng kí tham gia) | 280.00đ/ tháng (thu theo tháng) |
| | - Hỗ trợ Tiếng Anh Stem- Robotics (dành cho HS tự nguyện đăng kí tham gia) | 150.000/ HS/ 1tháng (thu theo tháng) |
| 2 | Chương trình tiếng Anh chất lượng cao liên kết với trung tâm Language link (dành cho HS tự nguyện đăng kí tham gia) | 667.000đ/ 1 HS/ 1 tháng (thu theo tháng) |
| | + Tiếng Anh thông qua Toán (dành cho HS tự nguyện đăng kí tham gia theo chương trình hỗ trợ tiếng Anh chất lượng cao) | Mức thu 200.000đ/ 1 HS/ tháng (thu theo tháng) |
| 3 | Hỗ trợ tiền điện khi lớp học sử dụng điều hòa | Thu theo tự nguyện và thỏa thuận giữa nhà trường và Ban đại diện CMHS, thu trên cơ sở thực tế sử dụng của từng lớp có công tơ điện. Thu vào cuối kì 1 và 2 |
| 4 | Kinh phí sử dụng truyền thông Enet Viet và điểm danh nhận diện khuôn mặt (dành cho HS tự nguyện tham gia) | 25.000đ/ tháng. (Thu theo tháng) |
| 5 | Quỹ Đội, thiếu niên nhi đồng | 2.000đ/1 HS/tháng (18.000đ/ năm) thu vào tháng 11 |

